

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
BẢO HIỂM DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Trương Minh Vương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Phạm Tiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2012)
	Giám đốc Chi nhánh thành phố Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Tiến Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Trương Minh Vương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Phạm Tiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2012)
	Giám đốc Chi nhánh thành phố Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Số: *1007* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 5 năm 2013, từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 24 tháng 5 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1675/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

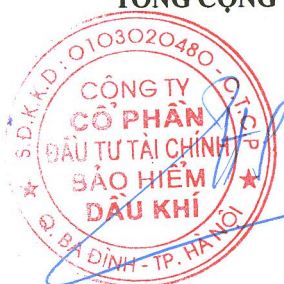
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		198.421.832.152	314.490.386.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	89.241.606.136	56.438.418.235
1. Tiền	111		918.660.562	8.838.418.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.322.945.574	47.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	82.820.269.992	205.824.605.588
1. Đầu tư ngắn hạn	121		85.593.032.231	210.943.485.654
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.772.762.239)	(5.118.880.066)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.150.511.818	34.966.196.258
1. Phải thu khách hàng	131		3.816.542.410	25.816.542.410
2. Trả trước cho người bán	132		687.805.695	1.290.973.553
3. Các khoản phải thu khác	135	7	9.361.004.393	10.224.624.372
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.714.840.680)	(2.365.944.077)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.209.444.206	17.261.166.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.321.476	54.529.617
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.933.490.520	876.206.184
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		790.086.361	269.669.373
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.424.545.849	16.060.761.743
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		127.020.842.244	115.676.048.736
I. Tài sản cố định	220		37.156.970.658	29.087.894.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.886.508.562	2.788.882.879
- Nguyên giá	222		5.907.584.605	5.950.145.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.021.076.043)	(3.161.262.544)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	131.047.103	33.083.208
- Nguyên giá	228		335.157.000	209.157.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(204.109.897)	(176.073.792)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		35.139.414.993	26.265.928.372
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		72.986.297.595	74.580.179.566
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	22.291.356.374	22.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	52.800.000.000	52.800.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.105.058.779)	(219.820.434)
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.877.573.991	12.007.974.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	6.690.057.991	1.687.934.711
2. Tài sản dài hạn khác	268	13	10.187.516.000	10.320.040.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		325.442.674.396	430.166.435.734

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		117.015.406.945	222.745.630.130
I. Nợ ngắn hạn	310		74.872.984.069	195.527.388.950
1. Phải trả người bán	312		533.798.547	625.664.317
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		54.692.565	657.413.407
3. Phải trả người lao động	315		987.060.286	1.456.070.334
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	72.954.778.385	192.687.488.606
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		342.654.286	100.752.286
II. Nợ dài hạn	330		42.142.422.876	27.218.241.180
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	26.574.105.000	21.402.799.680
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	15.568.317.876	5.815.441.500
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		208.427.267.451	207.420.805.604
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	208.427.267.451	207.420.805.604
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.622.650.000	200.622.650.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		340.709.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.291.057.903	1.291.057.903
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.172.850.548	5.507.097.701
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		325.442.674.396	430.166.435.734



Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Hoàng Thanh Giang
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	6.727.273
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	6.727.273
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	41.283.014.999	53.512.079.531
5. Chi phí tài chính	22	19	27.479.635.307	31.166.537.238
6. Chi phí bán hàng	24		5.384.311.103	6.803.166.333
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.745.304.904	10.516.863.825
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		673.763.685	5.032.239.408
9. Thu nhập khác	31		1.170.943.155	575.090.767
10. Chi phí khác	32		102.747.485	83.215
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.068.195.670	575.007.552
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.741.959.355	5.607.246.960
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	76.206.508	1.303.663.957
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.665.752.847	4.303.583.003



Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Hoàng Thanh Giang
Phó phòng kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2012	2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	52.144.965.339	63.192.675.588
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(40.583.927.490)	(36.428.468.972)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.535.528.738)	(4.624.851.080)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.223.041)	(9.505.833)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.141.390.084)	(2.531.270.291)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	352.665.631.015	1.110.741.443.926
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(367.997.257.886)	(945.061.904.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.448.730.885)	185.278.118.430
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.435.607.845)	(27.149.747.153)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(53.401.887.900)	(65.960.500.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.245.657.275	55.330.562.500
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.032.812.287)	(1.554.158.786.820)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.325.725.331	1.440.715.400.147
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.708.492.836	11.126.366.345
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.409.567.410	(140.096.704.981)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.842.351.376	7.515.136.876
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.700.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.334.634.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.842.351.376	(5.519.497.207)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	32.803.187.901	39.661.916.242
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	56.438.418.235	16.776.501.993
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	89.241.606.136	56.438.418.235



Lê Tiến Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Hoàng Thanh Giang
Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 11 năm 2007 (thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 10 năm 2009), vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (bằng chữ: ba trăm tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 42 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Ủy thác đầu tư;
- Tư vấn đầu tư;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Thiết bị quản lý	3
Phương tiện vận tải	6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được dùng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm 2012, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	575.138.099	6.841.314.411
Tiền gửi ngân hàng	343.522.463	1.997.103.824
Các khoản tương đương tiền	88.322.945.574	47.600.000.000
	<u>89.241.606.136</u>	<u>56.438.418.235</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10.505.733.098	10.613.849.155
Tiền gửi có kỳ hạn	-	11.600.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư	36.000.000	473.400.000
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (i)	1.877.719.656	16.943.780.000
Hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết (ii)	73.173.579.477	171.312.456.499
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.772.762.239)	(5.118.880.066)
	<u>82.820.269.992</u>	<u>205.824.605.588</u>

(i) Theo hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán theo giá định trước khoảng 30% đến 40% giá thị trường tại thời điểm mua, Bên mua là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí cam kết sẽ bán lại chứng khoán cho Bên bán với giá định trước sau thời gian tối đa là 12 tháng. Trường hợp giá thị trường của cổ phiếu suy giảm quá 150% giá mua, Bên mua có quyền yêu cầu Bên bán mua lại hoặc Bên bán phải nộp tiền hoặc cổ phiếu để bù đắp vào sự giảm giá. Trong trường hợp Bên bán không nộp tiền hoặc cổ phiếu để bù đắp vào sự giảm giá, Bên mua có quyền thanh lý số cổ phiếu để thu hồi vốn đầu tư.

(ii) Là số dư các hợp đồng hợp tác đầu tư từ nguồn vốn ủy thác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"). Theo hợp đồng ủy thác và thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí ("PVI Finance") và PSI, PVI Finance nhận vốn ủy thác đầu tư của PSI để góp vốn hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết. PVI Finance hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro từ hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết này.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự thu ủy thác đầu tư chứng khoán niêm yết với PSI	8.174.149.713	8.125.802.978
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	537.699.119	567.071.764
Phải thu lãi repo các khách hàng	23.347.805	688.016.374
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	207.463.082	214.700.967
Phải thu khác	418.344.674	629.032.289
	<u>9.361.004.393</u>	<u>10.224.624.372</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍSố 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	4.642.160.995	1.307.984.428	5.950.145.423
Mua trong năm	-	12.121.000	12.121.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.681.818)	(54.681.818)
Tại ngày 31/12/2012	4.642.160.995	1.265.423.610	5.907.584.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	2.107.779.261	1.053.483.283	3.161.262.544
Khấu hao trong năm	773.693.508	118.407.874	892.101.382
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.287.883)	(32.287.883)
Tại ngày 31/12/2012	2.881.472.769	1.139.603.274	4.021.076.043
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	1.760.688.226	125.820.336	1.886.508.562
Tại ngày 31/12/2011	2.534.381.734	254.501.145	2.788.882.879

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	209.157.000	209.157.000
Mua trong năm	126.000.000	126.000.000
Tại ngày 31/12/2012	335.157.000	335.157.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	176.073.792	176.073.792
Khấu hao trong năm	28.036.105	28.036.105
Tại ngày 31/12/2012	204.109.897	204.109.897
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2012	131.047.103	131.047.103
Tại ngày 31/12/2011	33.083.208	33.083.208

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Số vốn đã góp tại ngày 31/12/2012
		%	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Miền Trung	Đà Nẵng	98%	22.291.356.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Số vốn đã góp tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục IDJ-AEC	Hà Nội	19,2%	52.800.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền thuê văn phòng	6.306.943.333	51.000.000
Công cụ, dụng cụ	383.114.658	1.636.934.711
	6.690.057.991	1.687.934.711

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền Công ty đặt cọc để mua cổ phần và tiền đặt cọc thuê văn phòng. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu chưa thực hiện do thủ tục xin ý kiến các cổ đông sáng lập chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng khoản đặt cọc này là đúng để tiếp tục cho việc mua cổ phần và thuê văn phòng.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhận ủy thác quản lý vốn PSI (i)	55.624.479.468	166.372.148.665
Cổ tức phải trả	6.286.589.680	14.605.521.413
Phải trả, phải nộp khác	11.043.709.237	11.709.818.528
	72.954.778.385	192.687.488.606

(i) Theo hợp đồng ủy thác và thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa PVI Finance và Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI"), khoản ủy thác đầu tư này được sử dụng để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư mua bán chứng khoán niêm yết với các nhà đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍSố 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Vietpol (i)	20.693.800.000	16.693.800.000
Cán bộ nhân viên của PVI Finance (ii)	5.880.305.000	4.708.999.680
	26.574.105.000	21.402.799.680

(i) Khoản tiền góp vốn lần 1 theo Hợp đồng góp vốn số 01/HĐGV-ĐN/P-VP ngày 11 tháng 10 năm 2011 giữa PVI Finance với Công ty Cổ phần Bất động sản Vietpol. Mục đích của Hợp đồng là góp vốn theo tiến độ để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng tại Dự án Khu đô thị Hòa Quý, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Tổng số vốn Công ty Cổ phần Bất động sản Vietpol với tư cách chủ đầu tư cấp II phải góp là 111.292.000.000 VND.

(ii) Khoản tiền góp vốn theo tiến độ của cán bộ nhân viên Công ty theo các hợp đồng góp vốn để được nhận quyền ưu tiên chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng tại Dự án Khu đô thị Hòa Quý, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Thể hiện các khoản vay dài hạn theo các hợp đồng vay với các khách hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Mục đích của khoản vay là đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay này có thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân (Công ty có quyền gia hạn thời gian vay này thêm 12 tháng), lãi suất là 0%. Đồng thời, các khách hàng của Công ty sẽ nhận được quyền ưu tiên theo các bản thỏa thuận đăng ký nhận quyền ưu tiên mua các lô đất đã có hạ tầng tại Dự án Khu đô thị Hòa Quý, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	200.622.650.000	-	906.034.653	19.231.509.699	220.760.194.352
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.303.583.003	4.303.583.003
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	385.023.250	(975.069.751)	(590.046.501)
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(17.052.925.250)	(17.052.925.250)
Tại ngày 31/12/2011	200.622.650.000	-	1.291.057.903	5.507.097.701	207.420.805.604
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.665.752.847	1.665.752.847
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	500.000.000	1.000.000.000	(2.000.000.000)	(500.000.000)
Chi trả từ các quỹ	-	(159.291.000)	-	-	(159.291.000)
Tại ngày 31/12/2012	200.622.650.000	340.709.000	2.291.057.903	5.172.850.548	208.427.267.451

(i) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/7/2012 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2011. Theo đó, Công ty đã trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 1 tỷ VND, 500 triệu VND và 250 triệu VND.

Trong năm, Công ty cũng đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 250 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế 2012. Số tạm trích này sẽ được điều chỉnh sau khi phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍSố 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103020480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 10 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI (PVI Holding)	84.000.000.000	28	-	-
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	15.000.000.000	5	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	6.000.000.000	2	-	-
Các cổ đông khác	195.000.000.000	65	101.622.650.000	101.622.650.000
Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành (i)	-	-	99.000.000.000	99.000.000.000
	300.000.000.000	100	200.622.650.000	200.622.650.000

(i) Trong năm 2010, cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần PVI) đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI). Sau đó, PVFC và PVFI đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu nói trên cho Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành. Địa chỉ trụ sở của Công ty cũng đã thay đổi đến địa chỉ mới là số 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán độc lập Công ty vẫn đang hoàn thiện thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.862.297.221	10.478.537.015
Thu nhập từ mua, bán chứng khoán	3.729.365.104	13.018.874.630
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.940.402.600	647.829.330
Thu nhập từ hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	26.750.950.074	29.366.838.556
	41.283.014.999	53.512.079.531

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.223.041	9.505.833
Phí nhận vốn ủy thác đầu tư	25.154.968.979	27.345.489.079
Chi phí về mua bán chứng khoán	2.784.322.769	1.824.232
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(460.879.482)	3.809.718.094
	27.479.635.307	31.166.537.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍSố 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.741.959.355	5.607.246.960
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.940.402.600	647.829.330
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	503.269.278	255.238.199
Thu nhập chịu thuế	304.826.033	5.214.655.829
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.206.508	1.303.663.957
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	76.206.508	1.303.663.957

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.165.501	412.434.221
Chi phí nhân công	6.139.952.739	6.485.496.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	748.929.911	1.051.133.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.812.668.361	5.872.932.341
Chi phí khác	2.150.899.495	2.847.172.606
	13.129.616.007	16.669.169.105

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay	15.568.317.876	5.815.441.500
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	89.241.606.136	56.438.418.235
Nợ thuần	(73.673.288.260)	(50.622.976.735)
Vốn của chủ sở hữu	208.427.267.451	207.420.805.604
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.241.606.136	56.438.418.235
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.462.706.123	33.675.222.705
Đầu tư ngắn hạn	82.820.269.992	205.824.605.588
Tổng cộng	181.524.582.251	295.938.246.528
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.568.317.876	5.815.441.500
Phải trả người bán và phải trả khác	99.983.695.434	214.599.956.817
Tổng cộng	115.552.013.310	220.415.398.317

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các khách hàng trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.241.606.136	-	89.241.606.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.462.706.123	-	9.462.706.123
Đầu tư ngắn hạn	82.820.269.992	-	82.820.269.992
Tổng cộng	181.524.582.251	-	181.524.582.251
31/12/2012			
Các khoản vay	-	15.568.317.876	15.568.317.876
Phải trả người bán và phải trả khác	73.409.590.434	26.574.105.000	99.983.695.434
Tổng cộng	73.409.590.434	42.142.422.876	115.552.013.310
Chênh lệch thanh khoản thuần	108.114.991.817	(42.142.422.876)	65.972.568.941
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.438.418.235	-	56.438.418.235
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.675.222.705	-	33.675.222.705
Đầu tư ngắn hạn	205.824.605.588	-	205.824.605.588
Tổng cộng	295.938.246.528	-	295.938.246.528
31/12/2011			
Các khoản vay	-	5.815.441.500	5.815.441.500
Phải trả người bán và phải trả khác	193.197.157.137	21.402.799.680	214.599.956.817
Tổng cộng	193.197.157.137	27.218.241.180	220.415.398.317
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.741.089.391	(27.218.241.180)	75.522.848.211

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản đã trả		
Trả cổ tức Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	-	8.630.583.333
<i>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</i>		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.181.348.333	1.675.976.311

24. VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Steeltect Hà Nội ra Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân liên quan đến khoản nợ phải thu thương mại quá hạn với số tiền 3.226.562.500 VND. Theo Bản án sơ thẩm số 04/2011/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Steeltect Hà Nội phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí số tiền 3.226.562.500 VND và số tiền lãi là 763.424.479 VND (tính đến ngày 08 tháng 7 năm 2011). Số tiền lãi ước tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước phát sinh thêm từ ngày 09 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 khoảng 942.867.319 VND. Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lãi phạt này vào thu nhập của Công ty trong năm 2011 và năm 2012.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.020.851.493	2.685.890.169

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	107.000.000	2.814.013.487
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.422.012.567
	<u>107.000.000</u>	<u>4.236.026.054</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê toàn bộ ngôi nhà 03 tầng tại số 33 Núi thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với giá thuê là 17 triệu VND/tháng. Hợp đồng thuê số 01/2011 ngày 01 tháng 4 năm 2011 được ký với bà Trần Thị Phương Lan, thời gian thuê trong vòng 2 năm (kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2011).
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 15, đường số 04, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 1 năm với giá thuê 14 triệu VND/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ

Số 8 H1, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



Lê Tiên Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 5 năm 2013

Hoàng Thanh Giang
Phó phòng kế toán